

Số: 11/2023/QĐST-HNGĐ  
Ngày: 14 - 02 - 2023.

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
**(Về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn,**  
**thỏa thuận nuôi con khi ly hôn)**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:**

- Chủ tọa phiên họp: Ông Mạc Minh Quang - Thẩm phán
- Thư ký phiên họp: Ông Hoàng Hữu Thắng - Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.
- Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Ông Phạm Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 402/2022/TLST-HNGĐ ngày 22/12/2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định mở phiên họp số 19/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02/02/2023, giữa:

**\* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

- Chị **Phạm Thị T**, sinh năm 1982. Nơi ĐKKHKT: phố Đ, khu 2, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Thôn T, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương.

- Anh **Dương Văn T1**, sinh năm 1978. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: phố Đ, khu 2, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

- Người được anh T1 ủy quyền giao, nhận văn bản: Chị **Vũ Thị D**, sinh năm 2002. Địa chỉ: phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Chị T, anh T1 và chị D đều đề nghị giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:**

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai của anh T1, chị T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Dương Văn T1 tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 22/02/2008 tại UBND thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 11 năm và có một con chung là Dương Văn L, sinh ngày 23/12/2008. Đến năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cách nuôi dạy con, cuộc sống không còn sự tin tưởng lẫn nhau, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Anh chị đã nhiều lần hàn gắn, tìm cách giải quyết nhưng không khắc phục được mâu thuẫn và sống ly thân. Sau

đó anh T1 đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, chị T ở nhà buôn bán và chăm sóc con chung. Do vợ chồng sống xa cách nên anh T1 nghi ngờ chị T ở nhà không còn chung thủy, từ đó anh chị không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc và đều làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Anh chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Dương Văn L, sinh ngày 23/12/2008; hiện nay đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên thống nhất giao chị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, chị T tự nguyện không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, vay nợ: Hai bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Chị Vũ Thị D trình bày*: Chị là cháu gái anh T1, chị nhất trí nhận ủy quyền giao, nhận văn bản của anh T1 và cam kết có trách nhiệm thông báo lại cho anh T1 biết kết quả giải quyết của Tòa án. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, chị đã thông báo cho anh T1 và cho biết anh T1 vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn, đồng ý giao chị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh cấp dưỡng tiền nuôi con chung, anh T1 không yêu cầu giải quyết về tài sản và nhất trí việc chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Xác định những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về lệ phí, án phí Tòa án. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Dương Văn T1. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của hai bên giao chị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Dương Văn L, sinh ngày 23/12/2008, chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện của chị T chịu cả 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị T và anh T1 đều có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Anh T1 có hộ khẩu thường trú tại phố Đ, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương, hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền và đơn xin xét xử vắng mặt của anh Dương Văn T1 đều được xác nhận của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc. Do vậy có căn cứ công nhận các văn bản trên là hợp pháp.

Người yêu cầu là chị T, anh T1 và người được ủy quyền giao nhận văn bản là chị D đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương vào ngày 22/02/2008. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống hạnh phúc khoảng 11 năm và có một con chung là Dương Văn L, sinh ngày 23/12/2008. Đến năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cách nuôi dạy con, cuộc sống không còn tin tưởng lẫn nhau, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, sống ly thân mỗi người một nơi. Sau đó anh T1 đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, chị T ở nhà buôn bán và chăm sóc con chung, vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn do anh T1 nghi ngờ chị T ở nhà không còn chung thủy, từ đó anh chị không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc và đều làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống riêng. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần công nhận cho anh chị được thuận tình ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Dương Văn L, sinh ngày 23/12/2008. Xét thấy con chung của anh chị đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng đảm bảo về mọi mặt, anh T1 đang ở nước ngoài không có điều kiện trực tiếp nuôi con, cháu L cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Anh T1 và chị T thống nhất thỏa thuận giao con chung Dương Văn L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi con đủ 18 tuổi, chị T tự nguyện không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Việc thỏa thuận nuôi con của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo quyền lợi của con, cần chấp nhận sự thỏa thuận của các bên theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản: Chị T và anh T1 đều không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]. Về lệ phí: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nên Tòa án chấp nhận.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 149, Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Dương Văn T1.

2. Về con chung: Giao chị Phạm Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo

dục, nuôi dưỡng con chung Dương Văn L, sinh ngày 23/12/2008 cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. Về lệ phí: Chị Phạm Thị T tự nguyện chịu cả 300.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0003614 ngày 22/12/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. (chị T đã nộp đủ lệ phí ly hôn).

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Mạc Minh Quang**